

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: **558** /QĐ-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2011.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-TTg ngày 23/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số ~~1647~~/BTC-HCSN ngày **29/01/2011** về phân bổ dự toán thu, chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - đợt 2;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

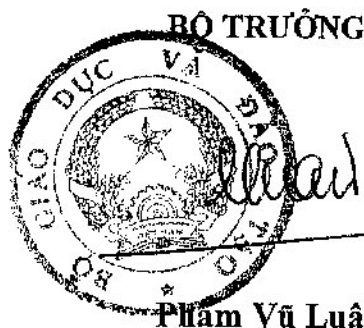
Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2011 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- KBNN;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu VT, Vụ KHTC.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2011

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1055504

(Kèm theo Quyết định số: 558/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2011 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT)

Đơn vị : triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	69.996,0	
1	Số thu phí, lệ phí	69.996,0	
	- Học phí	49.284,0	
	- Lệ phí	1.712,0	
	- Thu khác	19.000,0	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, thu khác được để lại	69.996,0	
	- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	69.996,0	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	44.465,0	
1.	Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	36.965,0	
1.1	Kinh phí thường xuyên	36.200,0	
	Loại 490 - 497	3.000,0	
	Loại 490 - 502	30.850,0	Hỗ trợ đào tạo cho cán bộ tại Phân hiệu Kiên Giang 2.800 trđ
	Trong đó kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương	260,0	
	Loại 490 - 503	2.350,0	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	765,0	
	Loại 490 - 502	700,0	Vốn đối ứng dự án năng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu thủy sản
	Loại 490 - 504	65,0	
2.	Nghiên cứu khoa học Loại 370 - 371	7.500,0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.500,0	
2.2	Kinh phí không thường xuyên	4.000,0	
	Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm		

Ghi chú: Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định tại Thông tư số 202/2010/TT-BTC ngày 14/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2011.



CHI TIẾT CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

(Kèm theo Quyết định số 558/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2011			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	TỔNG SỐ	7.500	3.500		4.000	
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	1.990	1.990			
1	Nhiệm vụ quỹ gen	300	300			
+	Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen các loài ốc Cối Conus spp. và cá ngựa thân trắng (Hippocampus kelloggi) ven biển Nam Trung bộ (Khánh Hoà và Phú Yên)	300	300			
2	Đề tài KH&CN cấp Bộ	1.030	1.030			
	<i>Đề tài KH&CN cấp Bộ chuyển tiếp</i>					
+	Nghiên cứu công nghệ và thiết bị đồng bộ nuôi thương phẩm tôm hùm bông (Panulirus ornatus) trong ao đất tại Nam Trung Bộ	360	360			
	<i>Đề tài KH&CN cấp Bộ mới năm 2011</i>					
+	Nghiên cứu quy trình công nghệ ương và nuôi cá đối mực (Mugil cephalus) thương phẩm	370	370			
+	Nghiên cứu một số chủng vi khuẩn mới dùng để sản xuất probiotics phòng trừ dịch bệnh trong sản xuất tôm ở Việt Nam	300	300			
3	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ chuyển tiếp	300	300			
+	Hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo tàu hai thân vỏ composite (Catamaran) phục vụ du lịch biển.	300	300			
4	Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu chuyển tiếp	4.000			4.000	
+	Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu Phòng thí nghiệm cơ khí đóng tàu cá					
5	Tập huấn quản lý hoạt động khoa học và công nghệ	300	300			
6	Hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN - khối Nông - Lâm - Ngư	60	60			
II	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trường	1.510	1.510			Đơn vị tự phân bổ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5171/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2011

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1552/QĐ-TTg ngày 07/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2011 (đợt 2);

Căn cứ công văn số 12821/BTC-NSNN ngày 27/9/2011 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp KH&CN năm 2011;

Căn cứ công văn số 2431/BKHCN-KHTC ngày 29/9/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn bổ sung kế hoạch KH&CN năm 2011 của các Bộ, ngành (đợt 2);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- KBNN;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.



Phạm Vũ Luận



GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2011

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1055504

(Kèm theo Quyết định số 5171/QĐ-BGDĐT ngày 18/10/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
	Dự toán chi NSNN	
	Nghiên cứu khoa học Loại 370 - 371	900,0
1	Nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước	
1.1	Đề tài, dự án thuộc "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020" (mới)	
	Ứng dụng công nghệ enzyme để sản xuất carrageenan và microgel từ rong Sụn (<i>Kappaphycus alvarezii</i>) (Doty)	900,0

Ghi chú: Tổ chức thực hiện dự toán NSNN được giao theo quy định tại Thông tư số 202/2010/TT-BTC ngày 14/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2011

Человек

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2012.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2012

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 2729/BTC-HCSN ngày 01/3/2012 về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đợt 2);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2012 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- KBNN;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Vũ Luận



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2012

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1055504

(Kèm theo Quyết định số: 888/QĐ-BGDDĐT ngày 01/3/2012 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT)

Đơn vị : triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	92.100,0	
1	Số thu phí, lệ phí	92.100,0	
	- Học phí chính quy	53.880,0	
	- Lệ phí	1.390,0	
	- Thu khác	36.830,0	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, thu khác được để lại	92.100,0	
	- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	92.100,0	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	44.568,0	
1.	Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	39.510,0	
1.1	Kinh phí thường xuyên	39.410,0	
	Loại 490 - 502	36.920,0	Hỗ trợ đào tạo cho cán bộ tại Phan hiệu Kiên Giang 3.200 trđ
	Trong đó kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương	230,0	
	Loại 490 - 503	2.490,0	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	100,0	
	Loại 490 - 504	100,0	
2.	Nghiên cứu khoa học Loại 370 - 371	5.058,0	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	5.058,0	
	Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm		

Ghi chú: Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định tại Thông tư số 177/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2012.

(Chữ ký)



CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2012			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	TỔNG SỐ	5.058	5.058			
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước	1.000	1.000			
1	Đề tài thuộc chương trình trọng điểm	1.000	1.000			
+	Ứng dụng công nghệ enzyme để sản xuất carageenan và microgel từ rong Sụn (<i>Kappaphycus alvarezii</i>) (Doty)	1.000	1.000			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	2.340	2.340			
1	Nhiệm vụ Quỹ gen	400	400			
+	Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen các loài ốc cối (<i>Conus</i> spp.), trai tai tượng (<i>Tridacna</i> spp.) và cá ngựa (<i>Hippocampus</i> spp.) ven biển Nam Trung bộ và Nam Bộ Việt Nam	400	400			
2	Đề tài KH&CN cấp Bộ	740	740			
	<i>Đề tài chuyển tiếp</i>					
+	Nghiên cứu quy trình công nghệ ương và nuôi cá đối mược (<i>Mugil cephalus</i>) thương phẩm	300	300			
+	Nghiên cứu một số chủng vi khuẩn mới dùng để sản xuất probiotics phòng trừ dịch bệnh trong sản xuất tôm ở Việt Nam	290	290			
	<i>Đề tài mới năm 2012</i>					
+	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học sử dụng vào việc nâng cao giá trị sử dụng của bã sắn	150	150			
3	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ (năm 2012)	700	700			
+	Hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo hệ thống toilet bằng vật liệu Composite trang bị trên các tàu khách hoạt động ven biển Việt Nam	450	450			
+	Hoàn thiện quy trình công nghệ khai thác ghẹ (thuộc họ Portunidae) bằng lồng bẫy ở vùng biển Việt Nam	250	250			
4	Nhiệm vụ nghị định thư cấp Bộ	500	500			
+	Nghiên cứu công nghệ sản xuất vi nang sinh học sử dụng nấm men và ứng dụng trong tạo chất thơm/ chất màu dạng bột	500	500			
III	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trường	1.718	1.718			Đơn vị tự phân bổ

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2013

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2013;

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 2211/BTC-HCSN ngày 19/02/2013 về thẩm định phân bổ dự toán chi NSNN năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2013 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2013 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- KBNN;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Phạm Mạnh Hùng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2013

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

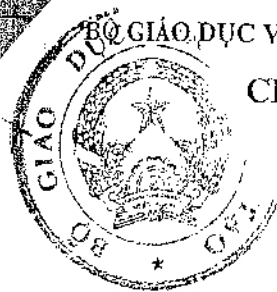
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1055504

(Kèm theo Quyết định số: 611/QĐ-BGDĐT ngày 19/2/2013 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
1.	Nghiên cứu khoa học Loại 370-371	3.966,0	
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.966,0	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	1.000,0	
	Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm		

Ghi chú: Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định tại Thông tư số 222/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013



CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1055504

(Kèm theo Quyết định số 611/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 2 năm 2013)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2013			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	TỔNG SỐ	3.966	2.966		1.000	
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước	630	630			
1	Đề tài thuộc chương trình trọng điểm	630	630			
+	Ứng dụng công nghệ enzyme để sản xuất carageenan và microgel từ rong Sụn (<i>Kappaphycus alvarezii</i>) (Doty)	630	630			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	2.665	1.665		1.000	
1	Nhiệm vụ quỹ gen cấp Bộ	170	170			
+	Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen các loài ốc cối (<i>Conus</i> spp.), trai tai tượng (<i>Tridacna</i> spp.) và cá ngựa (<i>Hippocampus</i> spp.) ven biển Nam Trung bộ và Nam bộ Việt Nam	170	170			
2	Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ chuyển tiếp	75	75			
+	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học sử dụng vào việc nâng cao giá trị sử dụng của bã sắn	75	75			
3	Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ mới 2013	220	220			
+	Nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm thịt và cá tại Việt Nam.	40	40			
+	Nghiên cứu vòng đời của sán lá đơn chủ thuộc họ <i>Capsalidae</i> ký sinh trên cá biển nuôi tại Khánh Hòa	65	65			
+	Nghiên cứu quy trình nuôi thu sinh khối loài Trùn chỉ (<i>Limnodrilus hoffmeisteri</i>).	50	50			
+	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị hàn ma sát	65	65			



	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2013			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
4 *	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ chuyển tiếp	850	850			
+	Hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo hệ thống toilet bằng vật liệu Composite trang bị trên các tàu khách hoạt động ven biển Việt Nam	650	650			
+	Hoàn thiện quy trình công nghệ khai thác ghẹ (thuộc họ Portunidae) bằng lồng bẫy ở vùng biển Việt Nam	200	200			
5	Dự án tăng cường NLNC mới năm 2013	1.000			1.000	
+	Tăng cường năng lực nghiên cứu sản xuất vaccine và bảo tồn gen thủy sản	1.000			1.000	
6	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương	350	350			
+	Nghiên cứu công nghệ sản xuất vi nang sinh học sử dụng nấm men và ứng dụng trong tạo chất thơm/ chất màu dạng bột	350	350			
III	Nhiệm vụ KH&CN cấp trường	671	671			
	Kinh phí tự phân bổ	671	671			

Số: 5574/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2013

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/03/2008 của Chính phủ Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2013;

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 15589/BTC-HCSN ngày 13/11/2013 về thẩm định phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2013 nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ (đợt 2) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2013 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- KBNN Trung ương;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN đơn vị giao dịch;
- (Gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách)
- Lưu VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Mạnh Hùng



**GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013**

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1055504

(Kèm theo Quyết định số: *557*/QĐ-BGDĐT ngày *25/11/2013* của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
1.	Nghiên cứu khoa học Loại 370 - 371	1.514,0	
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.254,0	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	260,0	
	Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm		

Ghi chú: Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định tại Thông tư số 222/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013.



CHỈ TIÊU KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2013 (ĐỢT 2)

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

(Kính theo Quyết định số 5579 /QĐ-BGDDT ngày 25 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2013			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	TỔNG SỐ	1.514	1.254		260	
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	620	360		260	
1	Nhiệm vụ quỹ gen cấp Bộ	110			110	
+	Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen các loài ốc cối (<i>Conus</i> spp.), trai tai tượng (<i>Tridacna</i> spp.) và cá ngựa (<i>Hippocampus</i> spp.) ven biển Nam Trung bộ và Nam bộ Việt Nam	110			110	
2	Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ chuyển tiếp	205	205			
+	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học sử dụng vào việc nâng cao giá trị sử dụng của bã sắn	205	205			
3	Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ mới 2013	155	155			
+	Nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm thịt và cá tại Việt Nam.	20	20			
+	Nghiên cứu vòng đời của sán lá đơn chủ thuộc họ <i>Capsalidae</i> ký sinh trên cá biển nuôi tại Khánh Hòa	45	45			
+	Nghiên cứu quy trình nuôi thu sinh khối loài Trùn chỉ (<i>Limnodrilus hoffmeisteri</i>).	40	40			
+	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị hàn ma sát	50	50			
4	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương	150			150	
+	Nghiên cứu công nghệ sản xuất vi nang sinh học sử dụng nấm men và ứng dụng trong tạo chất thơm/ chất màu dạng bột	150			150	
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp trường	894	894			
+	Kinh phí tự phân bổ	894	894			

Hà Nội, ngày **14** tháng **3** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2014

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-TTg ngày 30/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 199/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 2477/BTC-HCSN ngày 27/02/2014 về phân bổ dự toán chi NSNN năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đợt 2);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2014 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2014 được giao, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- KBNN Trung ương;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch
(Gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu VT, Vụ KHTC.

KT.BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Phạm Mạnh Hùng



ĐÀO TẠO

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2014

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1055504

(Kèm theo Quyết định số: 917/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.639,0	
1.	Nghiên cứu khoa học Loại 370-371	10.639,0	
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	4.639,0	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	6.000,0	
	Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm		

Ghi chú: Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định tại Thông tư số 199/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2014



CHỈ TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước: 1055481

(Kèm theo Quyết định số: 917/QĐ-BGDDT ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2014			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	TỔNG SỐ	10.639	4.639		6.000	
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước	1.800	1.800			
1	Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư	1.800	1.800			
+	Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ phế liệu tôm và ứng dụng trong nông nghiệp	800	800			
+	Hợp tác nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống giám sát sử dụng mạng cảm biến không dây trong kiểm soát chất lượng và tiết kiệm năng lượng cho chuỗi hậu cần thủy sản lạnh	1.000	1.000			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	7.933	1.933		6.000	
1	Nhiệm vụ Quỹ gen	170	170			
+	Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen các loài ốc cối (<i>Conus</i> spp.), trai tai tượng (<i>Tridacna</i> spp.) và cá ngựa (<i>Hippocampus</i> spp.) ven biển Nam Trung bộ và Nam bộ Việt Nam	170	170			
2	Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ chuyển tiếp	393	393			
+	Nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm thịt và cá tại Việt Nam.	55	55			
+	Nghiên cứu vòng đời của sán lá đơn chủ thuộc họ <i>Capsalidae</i> ký sinh trên cá biển nuôi tại Khánh Hòa	101	101			
+	Nghiên cứu quy trình nuôi thu sinh khối loài Trùn chỉ (<i>Limnodrilus hoffmeisteri</i>).	101	101			
+	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị hàn ma sát	136	136			
3	Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ mới 2014	420	420			
+	Nghiên cứu quá trình ôxy hóa lipid và acid béo của sản phẩm cá bớp (<i>Rachycentron canadum</i>) phi lê trong chế biến và bảo quản đông lạnh.	75	75			
+	Nghiên cứu đặc điểm loài và phương thức lây nhiễm của kí sinh trùng <i>Perkinsus</i> spp. ký sinh trên nhuyễn thể tại Việt Nam.	75	75			

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2014			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
+	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản và thăm dò kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo tôm bạc sĩ (<i>Lysinaca antheinensis</i> De Mann, 1888)	75	75			
+	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá khoang cổ cam <i>Amphiprion percula</i> .	75	75			
+	Nghiên cứu quy trình sản xuất tảo xoắn <i>Spirulina platensis</i> bằng nước biển.	75	75			
+	Phát triển bền vững nghề nuôi tôm thẻ chân trắng tại các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.	45	45			
4	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ mới 2014	600	600			
+	Xây dựng mô hình sản xuất giống cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i> Lacepede, 1801) tại khu vực Bắc Trung Bộ	350	350			
+	Xây dựng mô hình nuôi tôm he chân trắng ở Bắc Trung Bộ.	250	250			
5	Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu chuyên tiếp	6.000			6.000	
+	Nâng cao năng lực nghiên cứu Phòng thí nghiệm chế phẩm sinh học - Trường Đại học Nha Trang	6.000			6.000	
6	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương	350	350			
+	Nghiên cứu công nghệ sản xuất vi nang sinh học sử dụng nấm men và ứng dụng trong tạo chất thơm/ chất màu dạng bột	350	350			
III	Nhiệm vụ KH&CN cấp trường	906	906			
1	Kinh phí tự phân bổ	906	906			

Hà Nội, ngày **31** tháng **3** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2015

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 211/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 4145/BTC-HCSN ngày 31/3/2015 về việc phân bổ dự toán chi NSNN năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đợt 2);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015 (lần 2) cho các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2015 được giao, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- KBNN Trung ương;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch
(Gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



***Phạm Mạnh Hùng**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1055504

(Kèm theo Quyết định số: 1002/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.161,0	
	Nghiên cứu khoa học 370 - 371	7.161,0	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	7.161,0	
	Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm		

Ghi chú:

- Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định tại Thông tư số 211/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2015.



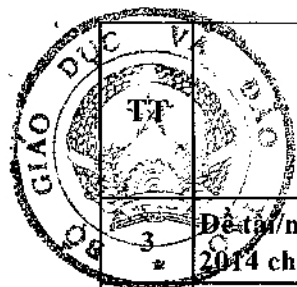
CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: Trường Đại học Nha Trang

Thực hiện theo Quyết định số: 1002/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2015			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	TỔNG SỐ	7.161	7.161			
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước	3.350	3.350			
1	Nhiệm vụ nghiên cứu theo Nghị định thư	3.350	3.350			
+	Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ phế liệu tôm và ứng dụng trong nông nghiệp	1.000	1.000			
+	Hợp tác nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống giám sát sử dụng mạng cảm biến không dây trong kiểm soát chất lượng và tiết kiệm năng lượng cho chuỗi hậu cần thủy sản lạnh	2.350	2.350			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	3.811	3.811			
1	Nhiệm vụ quỹ gen	330	330			
+	Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen các loài ốc cối (<i>Conus</i> spp.), trai tai tượng (<i>Tridacna</i> spp.) và cá ngựa (<i>Hippocampus</i> spp.) ven biển Nam Trung bộ và Nam bộ Việt Nam	330	330			
2	Đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ năm 2013 chuyển tiếp	856	856			
+	Nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm thịt và cá tại Việt Nam.	79	79			
+	Nghiên cứu vòng đời của sản lá đơn chủ thuộc họ <i>Capsalidae</i> ký sinh trên cá biển nuôi tại Khánh Hòa	239	239			
+	Nghiên cứu quy trình nuôi thu sinh khối loài Trùn chỉ (<i>Limnodrilus hoffmeisteri</i>).	239	239			
+	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị hàn ma sát	299	299			



	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2015			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	Đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ năm 2014 chuyển tiếp	540	540			
+	Nghiên cứu quá trình oxy hóa lipid và acid béo của sản phẩm cá bóp (<i>Rachycentron canadum</i>) phi lê trong chế biến và bảo quản đông lạnh.	105	105			
+	Nghiên cứu đặc điểm loài và phương thức lây nhiễm của kí sinh trùng <i>Perkinsus spp.</i> ký sinh trên nhuyễn thể tại Việt Nam.	100	100			
+	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản và thăm dò kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo tôm bác sĩ (<i>Lysmata amboinensis</i> De Mann, 1888)	90	90			
+	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá khoang cổ cam <i>Amphiprion percula</i> .	100	100			
+	Nghiên cứu quy trình sản xuất tảo xoắn <i>Spirulina platensis</i> bằng nước biển.	100	100			
+	Phát triển bền vững nghề nuôi tôm thẻ chân trắng tại các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ.	45	45			
4	Đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ năm 2015	35	35			
+	Giải pháp vượt rào cản xuất khẩu của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam.	35	35			
5	Dự án sản xuất thử nghiệm năm 2014 chuyển tiếp	900	900			
+	Xây dựng mô hình sản xuất giống cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i> Lacepede, 1801) tại khu vực Bắc Trung Bộ	500	500			
+	Xây dựng mô hình nuôi tôm he chân trắng ở Bắc Trung Bộ.	400	400			
6	Dự án sản xuất thử nghiệm năm 2015	300	300			



	Nội dung	Tổng số	Dự toán năm 2015			Ghi chú
			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	
	Hoàn thiện quy trình sản xuất lưới Đang khai thác cá thu ở vùng biển Khánh Hòa	300	300			
7	Dự án nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học	500	500			
+	Dự án nâng cao chất lượng Tạp chí Khoa học - công nghệ Thủy sản của Trường Đại học Nha Trang	500	500			
8	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương	350	350			
+	Nghiên cứu công nghệ sản xuất vi nang sinh học sử dụng nấm men và ứng dụng trong tạo chất thơm/ chất màu dạng bột	350	350			

u/

u/

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

(Số: *18*... /2010/ HĐCGCN)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ vào Luật Chuyển giao công nghệ 80/2006/QH11 ngày 29/11/2006;
- Căn cứ Quyết định số 1860/QĐ-BKHCN ngày 06/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010” bắt đầu thực hiện năm 2008.

- Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-BKHCN ngày 14/01/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010” bắt đầu thực hiện từ năm 2008, trong đó có Dự án: “*Xây dựng mô hình sản xuất chitin và chitozan công nghiệp từ phế liệu vỏ tôm tại Bạc Liêu*”

Hôm nay, ngày *16*... tháng...*10*... năm 2010, chúng tôi gồm:

Bên chuyển giao (bên A): Trường Đại học Nha Trang

- Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa
- Điện thoại: 058.3831149
- Tài khoản số: 0061000921373 Ngân hàng ngoại thương - Chi nhánh Nha Trang
- Đại diện là: **Ông Vũ Văn Xứng**; Chức vụ: **Hiệu trưởng**

Bên nhận chuyển giao (bên B): Công ty TNHH Phúc Đức

- Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, ấp 14, xã Vĩnh Mỹ B, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Bạc Liêu.
- Điện thoại: 0781.3823164
- Tài khoản số: 0.032.1.00.0893233 tại CN ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng, phòng giao dịch Bạc Liêu
- Đại diện là: **Ông Ngô Thanh Việt**; Chức vụ: **Giám đốc Công ty**

Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng chuyển giao

- Tên công nghệ (*sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, bí quyết công nghệ*):
Công nghệ sản xuất chitin- chitozan từ phụ phẩm vỏ tôm.
- Đặc điểm công nghệ: Từ vỏ tôm qua xử lý hóa học cho ra sản phẩm chitin chất lượng cao và chitozan.

- Kết quả áp dụng công nghệ: Sản phẩm chitin chất lượng cao và chitozan.
- Số lượng Chitin = 20.000 kg; Chitosan = 1.000 kg (Theo thuyết minh đề cương dự án).

Điều 2: Chất lượng, nội dung công nghệ

- + Công nghệ sản xuất chitin đạt tiêu chuẩn chất lượng:



- Màu sắc: Vàng nhạt đến trắng ngà
 - Hàm lượng protein : <1,5%
 - Hàm lượng khoáng trung bình: <1,5 %
 - Dạng sản phẩm: Dạng vảy
- + Công nghệ sản xuất chitozan đạt tiêu chuẩn chất lượng sau:

STT	DANH MỤC CHỈ TIÊU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Độ ẩm	10 -12 %	
2	Hàm lượng khoáng trung bình	<1,5%	
3	Hàm lượng protein trung bình	<1,5%	
4	Độ nhớt	220 – 500 cps	
5	Hàm lượng chất không tan	0,2%	
6	Độ Deacetyl	80 – 87%	
7	Độ tan (trong CH ₃ COOH 1,5%)	99 %	
8	Màu sắc	Trắng ngà	
9	Hình dạng	Vảy nhỏ	

Mô tả nội dung và tính năng của công nghệ:

- *Nguyên liệu* : Vò và đầu tôm
 - *Ép tách Protein sơ bộ* bằng cơ học & thủy lực
 - *Xử lý axit (khử khoáng)* HCl nồng độ thấp
 - *Rửa trung tính* : Có tác dụng làm sạch axit.
 - *Xử lý kiềm (khử protein)*: Dung dịch NaOH nồng độ thấp
 - *Rửa trung tính*: Có tác dụng làm sạch kiềm.
 - *Deacetyl bằng NaOH đặc để sản xuất chitozan có sử dụng nhiệt độ*
 - *Phơi khô hay sấy*: Yêu cầu độ khô cuối cùng phải đạt 10- 12%.
 - *Ép nén*: Mục đích của ép nén để giảm thể tích, tiết kiệm bao bì, giảm chi phí vận chuyển.
 - *Bao gói*: Bao gói trong túi PE để tránh hút ẩm trở lại.
 - *Bảo quản*: Thời gian bảo quản không quá 12 tháng.
- + Bảo vệ môi trường: Giảm thiểu mùi hôi (thối) trong quá trình sản xuất, đồng thời nước thải sau khi xử lý đạt qui chuẩn QCVN 11: 2008 - Bộ Tài nguyên và Môi trường (loại B).

Điều 3: Phạm vi và thời hạn chuyển giao

- Phạm vi: Bên B được độc quyền công nghệ trong phạm vi tỉnh Bạc Liêu.
- Thời hạn chuyển giao: Hai bên thỏa thuận thời hạn chuyển giao 06 tháng.

Điều 4: Địa điểm và tiến độ chuyển giao

1. Địa điểm: Quốc lộ 1A, ấp 14, xã Vĩnh Mỹ B, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Bạc Liêu
2. Tiến độ: Từ quý 3 năm 2010 đến hết quý 4 năm 2010

Điều 5: Thời hạn bảo hành công nghệ: 06 tháng

Điều 6: Giá chuyển giao công nghệ và phương thức thanh toán

- Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao: 295.000.000 đ

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản theo ba lần,

Lần thứ nhất 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký kết.

Lần thứ hai 30% giá trị hợp đồng khi công nhân sau huấn luyện đã tự sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ghi ở điều 2.

Lần thứ ba 20% còn lại ngay sau khi hai bên thanh lý hợp đồng.

Điều 7: Phạm vi, mức độ giữ bí mật của các bên: Phạm vi Công ty

Điều 8: Nghiệm thu kết quả chuyển giao công nghệ

- Công nhân sau huấn luyện sẽ sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng nêu ở điều 2.

- Quy trình công nghệ chuyển giao đạt tiêu chuẩn về công nghệ cũng như về môi trường.

- Hoàn thành báo cáo kết quả chuyển giao công nghệ nộp cho bên B theo qui định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hợp đồng sẽ được thanh lý sau khi hai bên thực hiện đủ các nội dung chuyển giao đã thoả thuận.

Điều 9: Cải tiến công nghệ chuyển giao của bên nhận chuyển giao

Mọi cải tiến của bên B đối với công nghệ sau chuyển giao thuộc quyền sở hữu của bên nhận B và bên A không chịu trách nhiệm pháp lý về sự cải tiến này. Tuy nhiên bên A sẵn sàng tư vấn kỹ thuật cho bên B về các cải tiến nếu được bên B yêu cầu.

Điều 10: Cam kết của bên A về đào tạo nhân lực cho thực hiện công nghệ chuyển giao

- Số lượng: 10 người

- Thời gian: 03 tháng

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên A

- Cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của công nghệ chuyển giao và việc chuyển giao công nghệ sẽ không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của bất kỳ bên thứ 3 nào khác. Bên A có trách nhiệm, với chi phí của mình, giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ việc chuyển giao công nghệ theo hợp đồng này.

- Có nghĩa vụ hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ bên B chống lại mọi sự xâm phạm quyền sở hữu từ bất kỳ bên thứ 3 nào khác.

- Đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với sở KH& CN Bạc Liêu.

- Có quyền được chuyển giao công nghệ trên cho các bên khác ngoài phạm vi lãnh thổ Tỉnh Bạc Liêu.

2. Bên B

- Đảm bảo mọi điều kiện kỹ thuật cần thiết (trang thiết bị, nguyên vật liệu chuyên dụng ...) đáp ứng yêu cầu của công nghệ chuyển giao để bên A thực hiện chuyển giao công nghệ được thuận lợi.

- Cam kết triển khai sản xuất theo đúng công nghệ nhận chuyển giao để chất lượng sản phẩm sản xuất không thấp hơn chất lượng sản phẩm do bên chuyển giao đã sản xuất.

Phương pháp đánh giá chất lượng do hai bên thoả thuận.

- Thanh toán tiền chuyển giao theo hợp đồng.

- Ghi chú xuất xứ công nghệ chuyển giao trên sản phẩm.

- Được phép chuyển giao lại cho bên thứ 3 (chỉ trong phạm vi tỉnh bạc Liêu) công nghệ trên sau khi được bên giao (Bên A) đồng ý.

Điều 12: Sửa đổi, đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng

Hợp đồng có thể được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu bằng văn bản của một trong các bên và được đại diện hợp pháp của các bên ký kết bằng văn bản. Các điều khoản sửa đổi,

bổ sung có hiệu lực từ thời điểm được sửa đổi.

Hợp đồng bị chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn ghi trong hợp đồng.
- Quyền sở hữu công nghiệp bị đình chỉ hoặc huỷ bỏ.

- Hợp đồng không thực hiện được do nguyên nhân bất khả kháng như: thiên tai, bãi công, biểu tình, nổi loạn, chiến tranh và các sự kiện tương tự.

Điều 13: Điều chỉnh hợp đồng

Bên nào vi phạm hợp đồng phải chịu phạt hợp đồng và bồi thường cho bên kia toàn bộ thiệt hại gây ra.

Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các luật của Nhà nước có liên quan.

Điều 14: Trọng tài

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này phải được giải quyết trước hết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp không giải quyết được thì các bên có quyền kiện đến trọng tài kinh tế.

Điều 15: Điều khoản thi hành

Hợp đồng được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng này.

Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản để thi hành.

ĐẠI DIỆN BÊN A
HIỆU TRƯỞNG


Vũ Văn Xứng

ĐẠI DIỆN BÊN B


Ngô Thanh Việt

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2011/NT&TLHD-ĐTKH

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ theo hợp đồng số 18/2010/HĐ - CGCN đã ký kết ngày 16 tháng 10 năm 2010.
Hôm nay, ngày 30 tháng 3 năm 2011. Chúng tôi gồm:

Bên A: Ông **Ngô Thanh Việt** chủ nhiệm Dự án

Địa chỉ: Công ty TNHH Đức Phúc, quốc lộ 1A, ấp 14, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Bên B: Ông **Vũ Văn Xứng** chủ trì chuyển giao công nghệ (CGCN) Dự án

Địa chỉ: Trường Đại học Nha Trang, số 02 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa

Hai bên đã họp xem xét các kết quả thực hiện hợp đồng số 18/2010/HĐCGCN và nhất trí đánh giá như sau:

Điều 1: Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung và điều khoản ghi trong hợp đồng số 18/2010/HĐCGCN ký kết ngày 16 tháng 10 năm 2010.

Bên B đã giao nộp các sản phẩm cho bên A theo điều 8 của Hợp đồng gồm:

1. Huấn luyện công nhân sản xuất sản phẩm đạt chất lượng nêu ở điều 2 của Hợp đồng.
2. Quy trình công nghệ chuyển giao đạt tiêu chuẩn về công nghệ cũng như về môi trường.
3. Hoàn thành báo cáo kết quả chuyển giao công nghệ nộp cho bên B theo qui định của Bộ Khoa học và Công nghệ

Sản phẩm của hợp đồng đã được bên A đánh giá nghiệm thu.

Điều 2: Bên A đồng ý nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 18/2010/HĐCGCN đã ký kết ngày 16 tháng 10 năm 2010.

Bên A đã tạm ứng đợt một cho bên B số tiền **147.500.000** đồng. Số tiền còn lại phải thanh toán đợt hai là **147.500.000** đồng. Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B sau khi thanh lý Hợp đồng là **295.000.000** đồng (*Hai trăm chín lăm triệu đồng chẵn*)

Điều 3: Biên bản này được lập thành 05 bản, mỗi bản có giá trị như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, 01 bản gửi về Phòng KHCN-HTQT Đại Học Nha Trang để báo cáo.

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2011
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ CGCN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hương Hoa Hồng

BÊN A

BÊN B



Ngô Thanh Việt



Vũ Văn Xứng

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Số: 01/HĐCG- KHCN

Chuyển giao công nghệ sinh sản nhân tạo giống và nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758)

Căn cứ vào nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Khoa học và Công nghệ.

Căn cứ vào Quyết định số: 216/UBND-VP5 ngày 13 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Nam Định và Quyết định số: 1876/QĐ-BKHCHN ngày 15/9/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&CN, về việc phê duyệt dự án: “*Ứng dụng tiến bộ Khoa học, xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại xã Hải Triều huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*”.

Căn cứ vào hợp đồng khoa học và công nghệ số: 15/2011/HĐ-DANTMN ngày tháng năm 2011, về việc thực hiện dự án thuộc Chương trình “*Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2010-2015*”.

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2011, tại Công ty Cổ phần Thủy sản Thiên Phú chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN THIÊN PHÚ

Đại diện bởi ông: **Hoàng Đức Thiện** Chức vụ: Giám đốc

Bà: **Lại Văn Khoa** Chức vụ: Chủ nhiệm dự án

Địa chỉ: xóm Tây Bình – xã Hải Triều- huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định

Điện thoại: 03503.792478.

Số tài khoản: 3751 Kho bạc Nhà Nước huyện Hải hậu

Mã giao dịch: 9051381

2. Bên nhận (Bên B) là: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Đại diện là Ông: **Hoàng Hoa Hồng** Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Ông: **Phạm Xuân Thủy** Chức vụ: Cán bộ thực hiện dự án

Địa chỉ: 2 - Nguyễn Đình Chiểu - TP. Nha Trang

Điện thoại: 058 3831149 Fax: 0583831147

Số tài khoản: 3711 cấp NS cấp 1 Mở tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Mã số sử dụng ngân sách/mã số thuế: 1055504

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng “**Chuyển giao công nghệ sinh sản nhân tạo giống và nuôi thâm nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758)**” theo thuyết minh dự án: “*Ứng dụng tiến bộ Khoa học, xây dựng mô hình sinh sản nhân tạo giống và nuôi thâm nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*” với các điều khoản sau:

I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Bên B cam kết thực hiện dự án: “*Ứng dụng tiến bộ Khoa học, xây dựng mô hình sinh sản nhân tạo giống và nuôi thâm nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*” theo các nội dung, tiến độ và sản phẩm nêu trong Thuyết minh dự án đã được phê duyệt.

Điều 2: Thời gian thực hiện dự án là 24 tháng, từ tháng 04/2011 đến tháng 4/2013.

Điều 3: Bên A sẽ đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện dự án theo các yêu cầu, chỉ tiêu nêu trong Thuyết minh dự án và Phụ lục kèm theo trong Hợp đồng.

II. NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 4: Nội dung hợp đồng và giá trị hợp đồng

1. Nội dung hợp đồng:

- Bên A thuê bên B thực hiện nội dung chuyển giao công nghệ sản xuất giống và công nghệ ương nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758)
- Bên B kết hợp với bên A thực hiện nội dung đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) cho cán bộ kỹ thuật của cơ sở và các hộ nuôi trồng thủy sản trong vùng dự án.

2. Giá trị hợp đồng: Tổng giá trị của hợp đồng là: **300.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Kinh phí chuyển giao công nghệ sản xuất giống và công nghệ nuôi thương phẩm cá đối mực là: 220.000.000 đồng.
- Kinh phí đào tạo tập huấn: 80.000.000 đồng.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Điều 5: Trách nhiệm bên A

1. Bên A có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, cán bộ, lao động tiếp nhận công nghệ, tiến hành giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện hợp đồng theo tiến độ và nội dung ghi trong Thuyết minh dự án.
2. Bên A có trách nhiệm cấp cho Bên B số kinh phí từ Ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ ghi ở Điều 4 của Hợp đồng này theo tiến độ sau:

Số TT	Đợt	Kinh phí	Thời gian
1	Đợt 1	220.000.000 đ	Tháng 8/2011
2	Đợt 2	80.000.000 đ	Tháng 8/2012

3. Bên B có trách nhiệm thanh toán lại cho bên A số tiền chi phí đào tạo và tập huấn cho các hộ kỹ thuật và các hộ dân nuôi trồng thủy sản trong vùng dự án. (80.000.000 đ)
4. Trước mỗi đợt cấp kinh phí tiếp theo, Bên A tiến hành xem xét và khẳng định kết quả đạt được theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Dự án. Nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, thì Bên A có thể kiến nghị điều chỉnh tiến độ hoặc ngừng việc cấp kinh phí.

Điều 6: Trách nhiệm bên B

1. Triển khai thực hiện dự án theo nội dung hợp đồng và lập hồ sơ theo dõi và báo cáo định kỳ cho Bên A về tình hình thực hợp đồng về nội dung, tiến độ, sản phẩm và kinh phí trong quá trình thực hiện dự án.
2. Đảm bảo điều kiện cần thiết và tổ chức triển khai các nội dung của hợp đồng đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, tiến độ và các chỉ tiêu trong Thuyết minh Dự án
3. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh nội dung chuyên môn và tiến độ trong hợp đồng khi cần thiết. Đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên A vi phạm một trong các điều kiện mà vi phạm đó dẫn đến Dự án không tiếp tục thực hiện được; Không cấp đủ kinh phí ghi trong hợp đồng mà không có lý do chính đáng.
4. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng dự toán, đúng chế độ và báo cáo tình hình thực hiện dự án trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

IV. TRÌNH TỰ GIAO NHẬN SẢN PHẨM

Điều 7: Trước thời điểm kết thúc dự hợp đồng một tháng, Bên B có trách nhiệm nộp, chuyển cho Bên A những tài liệu và sản phẩm nêu trong Thuyết minh dự án để đánh giá và nghiệm thu, bao gồm:

- Hồ sơ chứng từ hợp lệ đã sử dụng bằng kinh phí của dự án;
- Hồ sơ báo cáo tổng kết của dự án: báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và các tài liệu có liên quan.

Điều 8: Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Bên B, hai bên tiến hành nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

V. ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG VÀ CAM KẾT

Điều 9: Trong quá trình thực hiện dự án:

- Nếu do ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh như: thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, ... khiến chủ nhiệm, cơ quan chủ trì và tổ chức chuyển giao công nghệ của dự án

không thể tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thì bên B có thể kiến nghị điều chỉnh, đình chỉ hợp đồng và thông báo bằng văn bản cho Bên A để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

- Nếu một trong hai bên vi phạm một trong các quy định nêu tại Điều 14 của Quy chế quản lý Chương trình NTMN thì bên kia có thể đơn phương đình chỉ hợp đồng và đề nghị Bộ Khoa học và công nghệ thu hồi số kinh phí từ ngân sách Nhà nước đã cấp để thực hiện hợp đồng.

- Nếu các bên tham gia Hợp đồng có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung Hợp đồng, phải kịp thời thông báo cho nhau và thỏa thuận bằng văn bản để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định. Các thay đổi hoặc bổ sung trên nếu được Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ý là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ khi nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

Điều 10: Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo luật pháp hiện hành.

Điều 11: Mọi tranh chấp phát sinh cần được giải quyết trước hết qua thỏa thuận trực tiếp; nếu không thỏa thuận được, sẽ giải quyết tại Toà án Kinh tế cấp tương ứng theo luật pháp hiện hành.

Điều 12: Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng được làm thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 05 bản.

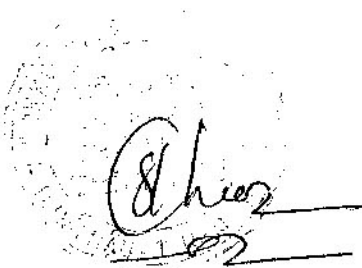
BÊN A

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Lai Văn Khoa

CTY CỔ PHẦN THỦY SẢN THIÊN PHÚ



GIAM ĐỐC
HOÀNG ĐỨC THIỆN

BÊN B

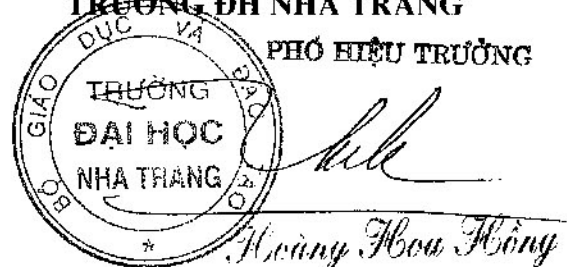
CÁN BỘ THỰC HIỆN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Xuân Thủy

TRƯỜNG ĐH NHA TRANG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Hoàng Hoa Hồng

Quang Ninh, ngày 18 tháng 12 năm 2012

HỢP ĐỒNG
CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Số: 126/2012/HĐ-CGKHCHN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước (UBTVQH) ngày 25/09/1989 và Nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;

Căn cứ quyết định số 1986/QĐ-BKHCHN ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung Ương cho các dự án uy quyền địa phương quản lý thuộc chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" giai đoạn 2011 - 2015";

Căn cứ quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Dự án "Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Đồi mược (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại tỉnh Quảng Ninh";

Căn cứ Thông tư liên tịch 93/TTLT-BTC-BKHCHN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Hợp đồng số 26/HĐ-CT NTMN ngày 30/10/2012 giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh với Trung tâm khoa học-kỹ thuật và sản xuất giống thủy sản Quảng Ninh về việc thực hiện dự án "Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Đồi mược (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại tỉnh Quảng Ninh" thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" giai đoạn 2011 - 2015;

CHÚNG TÔI GỒM

1- BÊN GIAO (BÊN A):

a. Cơ quan chủ trì dự án: TRUNG TÂM KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NINH

- Đại diện: Ông Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Km11, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0333.873.340 Fax: 0333.873.580
- Mã số thuế: 5700346468.
- Số tài khoản: 3712.2 - MQHNS: 1075768, tại Kho bạc Nhà Nước TX. Quảng Yên.



h. Chủ nhiệm Dự án

Ông: Vũ Công Tâm.

Chức vụ: Chủ nhiệm dự án.

- Địa chỉ: 52 - Tổ 5 - Khu Vinh Xuân - TT. Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh.

- Điện thoại: 0904 399 055

Email: tamthuythien@gmail.com.

2- BÊN NHẬN (BÊN B):

Cơ quan chuyển giao công nghệ : TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

- Đại diện: Ông Hoàng Hoa Hồng

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

Ông Phạm Xuân Thủy

Chức vụ: Cán bộ chuyển giao công nghệ.

- Địa chỉ: 2 - Nguyễn Đình Chiểu - TP. Nha Trang

- Điện thoại: 058 3831149

Fax: 0583831147

- Số tài khoản: 3711 cấp NS cấp I Mở tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

Mã số sử dụng ngân sách: mã số thuế: 1055504.

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng chuyển giao khoa học công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng

- Bên B cam kết chuyển giao 10 quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Đoi mực tại Quảng Ninh" (chi tiết tại Khoản 1- Thuê khoán chuyên môn và đào tạo - Thuyết minh Dự án đã được phê duyệt)

- Bên B đào tạo cho Bên A 05 cán bộ kỹ thuật theo 10 quy trình đã nêu trên (địa điểm đào tạo tổ chức tại cơ sở sản xuất giống).

- Bên A chủ trì tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân tại Tiên Yên và Quảng Yên thông báo cho Bên B về địa điểm, thời gian tổ chức lớp học bằng văn bản trước 15 ngày. Bên B chịu trách nhiệm giảng dạy cho 02 lớp tập huấn về quy trình kỹ thuật nuôi cá đoi mực thương phẩm và quản lý sức khỏe trong khi nuôi cho 50 lượt nông dân trong tỉnh.

- Bên B Chịu trách nhiệm về các kết quả sản phẩm dự án từ các mô hình đạt tiêu chuẩn như thuyết minh dự án đã phê duyệt (khi bên A tuân thủ các quy trình hướng dẫn của bên B).

- Bên B cử 01 cán bộ kỹ thuật có chuyên môn phù hợp ở tại bên A trong thời gian thực hiện dự án để theo dõi và hướng dẫn kỹ thuật thực hiện các mô hình đã ghi trong thuyết minh dự án.

Điều 2. Tiến độ thực hiện và sản phẩm của Hợp đồng.

- Tiến độ thực hiện các nội dung chuyển giao của Hợp đồng .

- Báo cáo kết quả chuyển giao thực hiện các quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Đoi mực tại Quảng Ninh:

(Phụ lục 1: Danh mục các sản phẩm cụ thể và tiến độ thực hiện)

Điều 3. Thời gian thực hiện và trình tự giao nhận sản phẩm:

3.1. Thời gian thực hiện: từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2014

3.2. Toàn bộ nội dung công việc nêu trong Điều 1 của Hợp đồng này phải được bên B hoàn thành và bàn giao cho bên A trước ngày 15-04-2014, để đánh giá và nghiệm thu bao gồm:

- Hồ sơ chứng từ hợp lệ đã sử dụng bằng kinh phí dự án:

- Các quy trình công nghệ và các tài liệu liên quan.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận Hồ sơ hợp lệ của bên B, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 4. Giá trị Hợp đồng

- Kinh phí chuyển giao 10 quy trình công nghệ là: 300.000.000 đồng;
- Kinh phí đào tạo, tập huấn là: 120.000.000 đồng.

(Có chi tiết đính kèm- phụ lục 2)

Tổng giá trị Hợp đồng là 420 triệu đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn.

Điều 5. Điều kiện và phương thức thanh toán

Bên A chuyển cho bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt theo 3 đợt cụ thể như sau:

- 40% giá trị hợp đồng trong tháng 4 năm 2013.
- 30% giá trị hợp đồng vào ngày 15/12/2013.
- 30% giá trị còn lại của hợp đồng sau khi giao nộp sản phẩm đạt yêu cầu, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Điều 6. Cam kết chung

Hai bên thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Nếu có tranh chấp phát sinh thì được giải quyết bằng thương lượng và thể hiện bằng văn bản. Nếu tranh chấp không được giải quyết thì sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A (BÊN GIAO)
TRUNG TÂM KHKT VÀ SẢN XUẤT
GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NINH



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HUY

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

VŨ CÔNG TÂM

ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN NHẬN)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
TRƯỞNG ĐỒI HIA TRƯỞNG



T.S HOÀNG HOA HỒNG

CÁN BỘ THỰC HIỆN

PHẠM XUÂN THỦY



Phụ Lục 1:

Danh mục các sản phẩm và tiến độ thực hiện các nội dung Hợp đồng

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm phải đạt
1. Chuyên giao công nghệ			
1.1	Quy trình thiết kế trại giống và xử lý nước.	01-02/2013	Các quy trình ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với địa phương
1.2	Quy trình nuôi vỗ thành thực cá bố mẹ.	01-02/2013	
1.3	Quy trình công nghệ cho cá bố mẹ sinh sản, ấp nở trứng thu ấu trùng	02-03/2013	
1.4	Quy trình công nghệ ương nuôi từ ấu trùng lên cá bột	03/2013	
1.5	Quy trình công nghệ ương nuôi từ cá bột lên cá hương	3-4/2013	
1.6	Quy trình công nghệ ương nuôi từ cá hương lên cá giống	4-5/2013	
1.7	Quy trình công nghệ phòng và trị bệnh cho cá giống	01-5/2013	
1.8	Quy trình cải tạo và xử lý ao nuôi	01-3/2013	
1.9	Quy trình quản lý và chăm sóc	3/2013-02/2014	
1.10	Quy trình xử lý môi trường và dịch bệnh	3/2013-02/2014	
2. Đào tạo tập huấn			
2.1	Đào tạo 05 kỹ thuật viên tiếp nhận công nghệ sản xuất giống	01-4/2013	Làm chủ được quy trình công nghệ, đáp ứng được yêu cầu công việc.
2.2	Đào tạo 05 kỹ thuật viên tiếp nhận công nghệ nuôi thương phẩm	3/2013-2/2014	Nắm vững được quy trình kỹ thuật nuôi cá đối mục thương phẩm.
2.3	Tập huấn cho 50 nông dân kỹ thuật nuôi thương phẩm	3-4/2013	Nắm vững được quy trình kỹ thuật nuôi cá đối mục thương phẩm và quản lý sức khỏe trong khi nuôi.
3. Mô hình ứng dụng:			
3.1	Mô hình sản xuất giống cá đối mục quy mô 1 triệu con (6-8cm).		Đạt tiêu chuẩn chất lượng như TMĐA
3.2	Mô hình nuôi cá đối mục thương phẩm quy mô 3,5ha, 29,4 tấn cá thương phẩm trọng lượng trung bình 0,4kg/con.		Đạt tiêu chuẩn chất lượng như TMĐA

Bu lưc 2:
Phân khắi kinh phí Đào tạo, tập huấn

TT	Nội đưng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Đào tạo cán bộ kỹ thuật (5 kỹ thuật viên/lớp; 20 ngày/lớp; 2 lớp)				100.000.000
I	Bên chuyển giao				68.000.000
1	Biên soạn tài liệu (10 quy trình + Bài thực hành)	trang	150	45.000	6.750.000
2	In ấn tài liệu, đóng quyển	bộ	10	65.000	650.000
3	Bồi dưỡng giảng viên chính (10 ngày/lớp)	ngày	20	300.000	6.000.000
4	Công cán bộ hướng dẫn thực hành (10 ngày/lớp)	ngày	20	300.000	6.000.000
6	Tiền phòng nghỉ giảng viên (2 người x 21 ngày x 300.000đ/người/ngày)	ngày	42	300.000	12.600.000
7	Phụ cấp lưu trú (chế độ 2 người/ lớp x 2lớp x 20 ngày)	ngày	80	150.000	12.000.000
8	Đi lại giảng viên: 04 lượt x 02 người x 3.000.000/lượt (vé tàu, xe, taxi)	lượt	8	3.000.000	24.000.000
II	Bên chủ trì dự án				32.000.000
8	Tiền ăn học viên (10 người x 20 ngày x 50.000đ/buổi)	người	200	50.000	10.000.000
9	Nước uống (10 người x 15 ngày x 2 buổi/ngày x 5.000đ/buổi)	người	400	5.000	2.000.000
11	Mua sắm dụng cụ, vật liệu thực hành (01 bộ/người x 10 người)	bộ	10	2.000.000	20.000.000
B	Tập huấn (02 lớp x 25 người/lớp)				20.000.000
I	Bên chuyển giao				16.000.000
1	Biên soạn tài liệu	trang	26	50.000	1.300.000
2	In ấn tài liệu, đóng quyển	bộ	50	10.000	500.000
5	Mua dụng cụ, vật liệu thực hành (1 bộ/người x 25 người/lớp x 2 lớp)	bộ	50	192.000	9.600.000
6	Bồi dưỡng giảng viên chính (1 ngày x 2 lớp)	ngày	2	300.000	600.000
7	Công hướng dẫn thực hành (1 ngày x 2 lớp)	ngày	2	300.000	600.000
8	Tiền phòng nghỉ giảng viên (2 người x 3 ngày x 300.000đ/2 người/ngày x 2 lớp)	ngày	6	300.000	1.800.000
9	Đi lại giảng viên: 02 lượt/người x 02 người/lớp x 200.000đ/lượt x 2 lớp	lượt	8	200.000	1.600.000

II	Bên chủ trì dự án				4.000.000
1	Tiền ăn học viên (25 người x 02 ngày x 25.000đ/ngày x 2 lớp)	người	100	25.000	2.500.000
2	Nước uống học viên (25 người x 02 ngày x 5.000đ/buổi x 2 lớp)	người	100	5.000	500.000
3	Makét, hội trường (02 lớp x 500.000đ/lớp)	lớp	2	500.000	1.000.000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Số: .10../2013/HĐ-CGKHCN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước (UBTVQH) ngày 25/09/1989 và Nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;

Căn cứ quyết định số 2072/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện của các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 – 2015” bắt đầu thực hiện từ năm 2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch 93/TTLT-BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Hợp đồng số: NTMN.DA.TW.24-2013 ngày 22/10/2013 giữa Văn phòng Chương trình Nông thôn Miền núi với Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành về việc thực hiện dự án thuộc chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi” Bắt đầu thực hiện từ năm 2013.

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2013 tại Trường Đại học Nha Trang

CHÚNG TÔI GỒM

1- BÊN GIAO (BÊN A):

a. Cơ quan chủ trì dự án: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHÁNH THÀNH

- Đại diện: Ông **Phạm Văn Quang** - Chức vụ: Giám đốc doanh nghiệp
- Địa chỉ: Xã Kim Đông – Kim Sơn – Ninh Bình.
- Điện thoại: 0974686858.
- Số tài khoản: 946020000003 - MQHNS: 9062660 , tại Kho bạc Nhà Nước huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

b. Chủ nhiệm Dự án

- Ông: **Vũ Thế Nguyên**. Chức vụ: Chủ nhiệm dự án.
- Địa chỉ: Yên Đồng - Yên Mô - Ninh Bình.
- Điện thoại: 0972859268 Email: trungyenks@gmail.com.

2- BÊN NHẬN (BÊN B):

Cơ quan chuyển giao công nghệ : TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

- Đại diện: Ông Hoàng Hoa Hồng

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

Ông Phạm Xuân Thủy

Chức vụ: Cán bộ chuyển giao công nghệ.

- Địa chỉ: 2 - Nguyễn Đình Chiểu - TP. Nha Trang

- Điện thoại: 058 3831149

Fax: 0583831147

- Số tài khoản: 0011100000925008 Ngân hàng TMCP Phương Đông- Chi nhánh Khánh Hòa.

- Mã số sử dụng ngân sách/mã số thuế: 1055504.

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng chuyển giao khoa học công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng

- Bên B cam kết chuyển giao 14 quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mục tại Ninh Bình (chi tiết tại phụ lục 1)

- Bên B đào tạo cho Bên A 04 kỹ thuật theo học 14 quy trình đã nêu trên trong năm 2013, sau thời gian đào tạo, các kỹ thuật được bên B cấp chứng chỉ theo quy định đào tạo nghề (địa điểm đào tạo tổ chức tại cơ sở sản xuất giống).

- Bên B chịu trách nhiệm về các kết quả sản phẩm dự án (Kết quả sản xuất giống, kết quả nuôi thương phẩm cá đối mục) đạt tiêu chuẩn như thuyết minh dự án đã được phê duyệt (khi bên A tuân thủ các quy trình hướng dẫn của bên B).

- Bên B cử 01 cán bộ kỹ thuật có chuyên môn phù hợp đến ở tại bên A trong thời gian triển khai dự án để theo dõi và hướng dẫn kỹ thuật thực hiện các quy trình trong sản xuất giống cá đối mục (Mô hình ứng dụng sản xuất giống cá đối mục) và hướng dẫn xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá đối mục đã ghi trong thuyết minh dự án.

Điều 2. Tiến độ thực hiện và sản phẩm của Hợp đồng.

- Tiến độ thực hiện các nội dung chuyển giao của Hợp đồng và sản phẩm của dự án bên B phải thực hiện hoàn thành tại Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành - Ninh Bình theo: (Phụ lục 1 đính kèm)

Điều 3. Thời gian thực hiện và trình tự giao nhận sản phẩm:

3.1. Thời gian thực hiện: từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2014

3.2. Toàn bộ nội dung công việc nêu trong Điều 1 của Hợp đồng này phải được bên B hoàn thành và bàn giao cho bên A trước ngày 15/9/2014, để đánh giá và nghiệm thu bao gồm:

- Hồ sơ chứng từ hợp lệ đã sử dụng bằng kinh phí dự án;

- Các quy trình công nghệ đã chuyển giao (14 quy trình như ở điều 1) và các tài liệu liên quan;

- Hóa đơn tài chính hợp lệ để bên A thanh quyết toán.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận Hồ sơ hợp lệ của bên B, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 4. Giá trị Hợp đồng

- Kinh phí chuyển giao 14 quy trình công nghệ là: 227.000.000 đồng;

- Kinh phí đào tạo: 60.000.000 đồng.

Tổng giá trị Hợp đồng là 287 triệu đồng.



Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn.

Điều 5. Điều kiện và phương thức thanh toán

Bên A chuyển cho bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt theo 3 đợt cụ thể như sau:

- 60% giá trị hợp đồng trong năm 2013.
- 40% giá trị hợp đồng trong năm 2014, sau khi giao nộp sản phẩm đạt yêu cầu, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Điều 6. Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Nếu có tranh chấp phát sinh thì được giải quyết bằng thương lượng và thể hiện bằng văn bản. Nếu tranh chấp không được giải quyết thì sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 03 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A (BÊN GIAO)
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

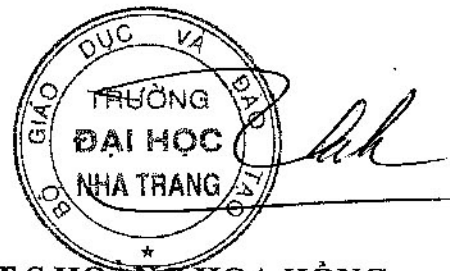


PHẠM VĂN QUANG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

VŨ THẾ NGUYỄN

ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN NHẬN)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
P. HIỆU TRƯỞNG



T.S HOÀNG HOA HỒNG

CÁN BỘ THỰC HIỆN

TS. PHẠM XUÂN THỦY

8.28.3
GHỊP
IÂN
HÀNH
NINH

Phụ lục 1:**Danh mục các sản phẩm và tiến độ thực hiện các nội dung Hợp đồng**

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm phải đạt
1. Chuyên giao công nghệ			
1.1	Quy trình xử lý nước ương nuôi, vệ sinh bể, dụng cụ sản xuất	Tháng 7/2013	Các quy trình ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với địa phương
1.2	Quy trình tuyển chọn cá bố mẹ và nuôi vỗ thành thực cá bố mẹ	Tháng 7/2013	
1.3	Quy trình tuyển chọn kích thích cá sinh sản cho đẻ, thu và ấp trứng	Tháng 8/2013	
1.4	Quy trình xác định tỷ lệ thụ tinh, tỷ lệ nở	Tháng 9/2013	
1.5	Quy trình ương cá bột lên cá hương và ương cá hương lên cá giống	Tháng 9/2013-9/2014	
1.6	Quy trình nuôi tảo làm thức ăn cho cá	Tháng 9/2013-9/2014	
1.7	Quy trình ấp, nở Artemia làm thức ăn cho cá	Tháng 9/2013-9/2014	
1.8	Quy trình phòng trị bệnh	Tháng 9/2013-9/2014	
1.9	Quy trình tuyển chọn cá giống	8/2013-9/2014	
1.10	Quy trình vệ sinh, cải tạo, chuẩn bị ao nuôi	8/2013-9/2014	
1.11	Quy trình cho ăn, chăm sóc cá nuôi	8/2013-9/2014	
1.12	Quy trình quản lý môi trường và thay nước	8/2013-9/2014	
1.13	Quy trình chống rét mùa đông cho cá nuôi	8/2013-9/2014	
1.14	Quy trình phòng trị bệnh cho cá nuôi	8/2013-9/2014	
2. Đào tạo kỹ thuật			
2.1	Đào tạo 04 kỹ thuật viên tiếp nhận công nghệ sản xuất giống, nuôi thương phẩm cá đối mục	8-12/2013	Làm chủ được quy trình công nghệ, đáp ứng được yêu cầu công việc.
3. Mô hình ứng dụng:			
3.1	Mô hình sản xuất giống cá đối mục: Sản xuất được 1 triệu con (Cỡ cá 6-8cm).	8/2013-9/2014	Đạt tiêu chuẩn chất lượng như TMĐA
3.2	Mô hình nuôi cá đối mục thương phẩm quy mô 2ha, 20 tấn cá thương phẩm trọng lượng trung bình 0,4-0,5kg/con.	8/2013-9/2014	Đạt tiêu chuẩn chất lượng như TMĐA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 15 - KT

Về việc: Chuyển giao công nghệ sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii* Lacepède, 1081)

Thuộc dự án: Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii* Lacepède, 1081) tại tỉnh Ninh Bình

- Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02/2/2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ sửa đổi;
- Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BKHCN ngày 27/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015;
- Căn cứ Thông tư số 101/2011/TTLT/BTC-BKHCN ngày 8/7/2011 về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015;
- Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015";
- Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-BKHCN ngày 07/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện của các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" bắt đầu thực hiện từ kế hoạch năm 2014;
- Căn cứ Hợp đồng thực hiện Dự án thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi" giai đoạn 2011 - 2015, số: NTMN.DA.TW.24 - 2014 giữa Văn phòng chương trình nông thôn miền núi và Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn



Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2014 tại Văn phòng Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên tiếp nhận công nghệ (Cơ quan chủ trì dự án - Bên A) là Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn

- Đại diện là Ông: Nguyễn Văn Môn
- Chức vụ: Giám đốc Doanh nghiệp
- Địa chỉ: Xóm 4. Xã Kim Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0912.262.704
- Số tài khoản: 3751.0.9012731 tại kho bạc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

Chủ nhiệm dự án:

- Ông: Nguyễn Đức Đại
- Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật
- Địa chỉ: Xóm 5, xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Điện thoại: 0979 578 945
- Trần Thị Thùy Trang, - Chức vụ: Kế toán trưởng

2. Bên chuyển giao công nghệ (Bên B) là: Trường Đại học Nha Trang

- Đại diện là Ông: Vũ Văn Xứng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Điện thoại: 0583.831.147, Fax: 0583.831.147, E-mail: dhstnt@dng.vnn.vn
- Website: <http://www.ntu.edu.vn>
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa
- Số tài khoản: 3711.1.1055504 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Đại diện nhóm chuyển giao công nghệ:

- Đại diện là Ông: Lại Văn Hùng
- Chức vụ: Trưởng Bộ môn Nuôi thủy sản nước mặn, Viện Nuôi trồng Thủy sản
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa
- Cơ quan: (058) 3833.446 Nhà riêng: (058)3810.869 Mobile: (090) 5127589
- Fax: (058) 3833.446 E-mail: hungdhst@gmail.com
- Địa chỉ nhà riêng: số 259 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Khánh Hoà

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochi*, Lacepede 1081) trong khuôn khổ dự án thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Luật và ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng

- Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống Luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng: Là tiếng Việt.

Điều 2. Bên B cam kết thực hiện dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii* Lacepede, 1801) tại tỉnh Ninh Bình”. Theo các nội dung, tiến độ và sản phẩm nêu trong thuyết minh dự án đã được phê duyệt.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng là 21 tháng, từ tháng 4/2014 đến tháng 12/2015.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

Điều 4. Trách nhiệm bên A:

- Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ về cơ sở, vật chất, trang thiết bị, máy móc và nhân lực để phục vụ cho việc sản xuất và tiếp nhận công nghệ khi bên B chuyển giao.
- Giám sát tình hình bên B thực hiện Hợp đồng theo các nội dung nêu trong phụ lục kèm theo Hợp đồng này.
- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Hợp đồng của bên B theo các chỉ tiêu kỹ thuật nêu trong phụ lục Hợp đồng.
- Trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Ninh Bình”. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng thanh toán (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).
- Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.
- Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:
- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết nêu trong phụ lục hợp đồng dẫn đến Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Ninh Bình” không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;
- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

Điều 5. Trách nhiệm bên B:

- Bên B có trách nhiệm đào tạo và chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất giống cá chim vây vàng cho bên A (4 người), tại Ninh Bình.
- Khi kết thúc khóa đào tạo bên B có trách nhiệm cấp chứng chỉ đào tạo của trường đại học thủy sản Nha Trang cho 4 kỹ thuật đã tham gia tập huấn.
- Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết.
- Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung và bàn giao đúng tiến độ.
- Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định.
- Bên B có trách nhiệm thanh quyết toán đầy đủ chứng từ, hóa đơn tài chính liên quan đến kinh phí mà bên B đã nhận cho bên A và các khoản chi phí đã sử dụng tại bên A.
- Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.
- Báo cáo tiến độ thực hiện vào cuối mỗi đợt thanh toán (theo mẫu của nhà nước quy định) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận.

Nội dung đào tạo chuyển giao: Quy trình sản xuất giống nhân tạo cá chim vây vàng, quy trình nuôi thương phẩm trong ao, quy trình sản xuất cá giống, quy trình nuôi thương phẩm cá trong ao đất, quy trình nuôi cá hậu bị tạo đàn bố mẹ, quy trình nuôi tảo và làm giàu artemia.

III. TÀI CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 6: Kinh phí chuyển giao công nghệ : 345.000.000 đồng, (Ba trăm bốn năm triệu đồng).

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Điều 7: Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015.

V. SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG

Bao gồm các nội dung và quy trình nuôi vỗ cá bố mẹ, quy trình sản xuất giống cá chim vây vàng, nuôi thương phẩm cá chim vây vàng, và các quy trình liên quan đến dự án được ghi trong phụ lục.

VI. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Điều 8: Giá trị hợp đồng 345.000.000đ (Ba trăm bốn năm triệu đồng).

Điều 9: Hình thức thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán trong hai lần cho bên B. Lần thứ nhất thanh toán 145.000.000đ (Một trăm bốn năm triệu) năm 2014 và lần thứ hai thanh toán 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) năm 2015 sau khi bàn giao, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Điều 10. Phương thanh toán: Thanh toán theo hình thức chuyển khoản.

VII. CAM KẾT CHUNG

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Hợp đồng chuyển giao công nghệ.
- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng làm thành 8 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

BÊN A
(Chủ trì Dự án)

GIÁM ĐỐC
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
HẢI TUẤN



Nguyễn Văn Môn

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

Nguyễn Đức Đại

BÊN B
(Chuyên giao công nghệ)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG



TS Vũ Văn Xứng

NHÓM CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ

PGS TS Lại Văn Hùng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số 15 - KT)

Bảng 1: Danh mục tài liệu

Số TT	Tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1	Hồ sơ báo cáo tổng kết của dự án:		
	- Báo cáo tổng kết	15 bản	
	- Báo cáo tóm tắt	15 bản	
	- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện các mô hình	15 bản	
	- Biên bản hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh/thành phố	15 bản	
	- Báo cáo quyết toán kinh phí của dự án.	15 bản	
	- Các quy trình kỹ thuật	15 bản	

Bảng 2: Danh mục sản phẩm khoa học và công nghệ

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và quy mô	Ghi chú
I	Các qui trình công nghệ chuyển giao			
1	Quy trình kỹ thuật nuôi vỗ đàn cá bố mẹ	01 QT	Các quy trình đảm bảo ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với điều kiện địa phương, dễ tiếp thu và thực hiện	
2	Quy trình kỹ thuật ương cá bột lên cá hương	01 QT		
3	Quy trình kỹ thuật ương cá hương lên cá giống	01 QT		

4	Quy trình kỹ thuật nuôi tảo đơn bào phục vụ ương nuôi cá chim vây vàng	01 QT		
5	Quy trình kỹ thuật nuôi, làm giàu luân trùng Artemia phục vụ ương nuôi cá chim vây vàng	01 QT		
6	Quy trình kỹ thuật ương giống lớn trong ao	01 QT		
7	Quy trình kỹ thuật quản lý và chăm sóc cá trong ao nuôi	01 QT		
8	Quy trình kỹ thuật phòng và trị một số bệnh trên cá chim vây vàng	01 QT		
9	Quy trình kỹ thuật thu hoạch và vận chuyển cá giống, thương phẩm			
II Mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất				
1	Mô hình sản xuất giống cá Chim vây vàng	01	- Tỷ lệ nở: 80% - Tỷ lệ cá bột lên hương: 10% - Tỷ lệ cá hương lên giống cỡ 4 – 5 cm: 90%. - Tỷ lệ cá giống cỡ 4 – 5 cm lên cá giống lớn 8 – 10 cm: 80%	
2	Mô hình nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng	01	- Tỷ lệ sống đạt 70%. - Trọng lượng cá thu hoạch > 500 g/con - Thời gian nuôi: 8 – 10 tháng. - Năng suất 4-8 tấn/ha	

Bảng 3: Danh mục sản phẩm cụ thể

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu	Ghi chú
I	Sản phẩm			
1	Cá bố mẹ	100 con	Kích thước 2,5 – 3 kg, có khả năng tham gia sinh sản	
2	Cá chim vây vàng giống cỡ nhỏ	220.000 con	Kích cỡ 3 - 4 cm	
3	Cá chim vây vàng giống cỡ lớn	30.000 con	Kích cỡ 8 - 10 cm	
4	Cá Chim vây vàng thương phẩm	18 tấn	Trọng lượng: > 500 g/con	
II	Đào tạo tập huấn			
1	Đào tạo kỹ thuật viên	12 cán bộ kỹ thuật	Cán bộ dự án và địa phương về công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng.	
2	Tập huấn nông dân	360 người	- Năm vững kỹ thuật sản xuất giống cá Chim vây vàng. - Năm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: 15 - KT

Ninh Bình, ngày 4 tháng 4 năm 2016

Căn cứ vào hợp đồng chuyển giao công nghệ số 15 - KT, ngày 01/04/ 2014 giữa Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn và Trường Đại học Nha Trang;

Hôm nay, ngày tháng năm 2015 tại Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn, Chúng tôi gồm có:

1. Bên tiếp nhận công nghệ (Cơ quan chủ trì dự án - Bên A): Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn

Đại diện là Ông: **Nguyễn Văn Môn**

Chức vụ: Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn

Địa chỉ: Xóm 4 – Kim Hải – Kim Sơn – Ninh Bình

Số điện thoại: 0912.261.704

Số tài khoản: 3751.0.9012731 Kho bạc Nhà nước Huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình

Chủ nhiệm dự án: Ông Nguyễn Đức Đại

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Địa chỉ: Xóm 5 – Cồn Thoi – Kim Sơn – Ninh Bình

Điện thoại: 0979.578.945

Email: daikakaks@gmail.com

2. Bên chuyển giao công nghệ (Bên B): Trường Đại học Nha Trang

Đại diện là Ông: **Trang Sĩ Trung**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0583.831.149, Fax: 0583.831.147, E-mail: dhtsnt@dng.vnn.vn

Website: <http://www.ntu.edu.vn>

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa

Số tài khoản: 3711.1.1055504 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Đại diện nhóm chuyển giao công nghệ:

Đại diện là Ông: **Lại Văn Hùng**

Chức vụ: Giảng viên - Bộ môn Nuôi thủy sản nước mặn, Viện Nuôi trồng Thủy sản

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa

Cơ quan: (058) 3833.446 Nhà riêng: (058)3810.869 Mobile: (090) 5127589

Fax: (058) 3833.446 E-mail: hungdhts@gmail.com

Địa chỉ nhà riêng: số 259 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Khánh Hoà

ĐIỀU 1 : THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mình như quy định trong hợp đồng chuyển giao công nghệ số 15 - KT, ngày 01/04/ 2014 giữa Doanh nghiệp Tư nhân Hải Tuấn và Trường Đại học Nha Trang.

Yêu cầu về số lượng, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo đúng theo thuyết minh Dự án "Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Ninh Bình" thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" và hợp đồng chuyển giao công nghệ đã ký kết, cụ thể:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và quy mô	Ghi chú
I	Các quy trình công nghệ được chuyển giao			
1	Quy trình kỹ thuật nuôi vỗ đàn cá bố mẹ	01 QT	Các quy trình ngắn gọn, khoa học, áp dụng mang lại hiệu	
2	Quy trình kỹ thuật ương cá bột lên cá hương	01 QT		
3	Quy trình kỹ thuật ương cá hương lên cá giống	01 QT		

Handwritten signature

- Hai bên ký Biên bản thanh lý Hợp đồng;
 - Bên A nhận được các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

ĐIỀU 3 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ số 15 - KT, ngày 01/04/ 2014.

Biên bản thanh lý được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản.

BÊN A

(Chủ trì thực hiện Dự án)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Môn

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Signature)

Nguyễn Đức Đại

BÊN B

(Chuyển giao công nghệ)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG



Trang Sĩ Trung

NHÓM CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

(Signature)

Lại Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Số: 01/NTMN.DA.TW.30 – 2014/HĐCGCN

Thuộc dự án: Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 103/2011/NĐ-CP ngày 15/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BKHCN ngày 27/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Thông tư số 101/2011/TTLT/BTC-BKHCN ngày 8/7/2011 về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015";

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-BKHCN ngày 07/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện của các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" bắt đầu thực hiện từ kế hoạch năm 2014;

Căn cứ Hợp đồng thực hiện Dự án thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi" giai đoạn 2011 – 2015, số: NTMN.DA.TW.30 – 2014 giữa Văn phòng chương trình nông thôn miền núi và Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa.

Hôm nay, ngày 8 tháng 8 năm 2014 tại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa. Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên tiếp nhận công nghệ (Cơ quan chủ trì dự án - Bên A): Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa

Đại diện là Ông: Nguyễn Bảo Quốc

Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa

Địa chỉ: Nhà C3 - Khu liên cơ I – 01 Trần Phú - Nha Trang - Khánh Hòa

Số điện thoại: 058-3822264

Số tài khoản: 3711.2.1117641 Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Chủ nhiệm dự án:

Ông: Nguyễn Khánh Nam

Chức vụ: Nhân viên

Địa chỉ: Nhà C3 - Khu liên cơ I – 01 Trần Phú - Nha Trang - Khánh Hòa

Điện thoại: 058-3822276

Email: nn8866@gmail.com

2. Bên chuyển giao công nghệ (Bên B): Trường Đại học Nha Trang

Đại diện là Ông: Vũ Văn Xúng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0583.831.147, Fax: 0583.831.147, E-mail: dhtsnt@dng.vnn.vn

Website: <http://www.ntu.edu.vn>

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa

Số tài khoản: 3711.1.1055504 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Đại diện nhóm chuyển giao công nghệ:

Đại diện là Ông: Lại Văn Hùng

Chức vụ: Trưởng Bộ môn Nuôi thủy sản nước mặn, Viện Nuôi trồng Thủy sản

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa

Cơ quan: (058) 3833.446 Nhà riêng: (058)3810.869 Mobile: (090) 5127589

Fax: (058) 3833.446 E-mail: hungdhts@gmail.com

Địa chỉ nhà riêng: số 259 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochi*, Lacepede 1081) trong khuôn khổ dự án Dự án NTMN.DA.TW.30 – 2014 thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Luật và ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng...

Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống Luật của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 2. Phương thức chuyển giao công nghệ

Bên B biên soạn tài liệu, quy trình kỹ thuật công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng; đào tạo và tập huấn cho học viên; hướng dẫn các địa điểm xây dựng mô hình nuôi vỗ công nghệ; hỗ trợ kỹ thuật cho các mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng đạt các thông số kỹ thuật, sản phẩm cụ thể nêu trong phụ lục Hợp đồng.

Điều 3. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

Yêu cầu về chất lượng, các yêu cầu kỹ thuật phải đảm bảo đúng theo thuyết minh Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa” thuộc Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015”.

Điều 4. Thời gian, tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện: 15 tháng, tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong Hợp đồng.

- Bắt đầu từ tháng 8 năm 2014.
- Kết thúc tháng 10 năm 2015.

Điều 5. Giá trị hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng: 255.000.000 đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Tiền độ cấp: Theo tiến độ cấp kinh phí dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa” từ nguồn vốn của Chương trình Nông thôn Miền núi.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ chung của bên chủ trì Dự án (bên A)

Kiểm tra tình hình bên B thực hiện Hợp đồng theo các nội dung nêu trong phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Hợp đồng của bên B theo các chỉ tiêu kỹ thuật nêu trong phụ lục Hợp đồng.

Trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa”. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng thanh toán (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).

Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết nêu trong phụ lục Hợp đồng dẫn đến Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa” không có khả năng hoàn thành;
- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;



- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

Sau khi tiếp nhận công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng bên A được quyền chuyển giao, nhân rộng cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ chung của bên chuyển giao công nghệ (bên B)

Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết.

Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung và bàn giao đúng tiến độ.

Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định.

Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả, thực hiện nghĩa vụ đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước các khoản kinh phí đã nhận.

Báo cáo tiến độ thực hiện vào cuối mỗi đợt thanh toán (theo mẫu do bên A qui định) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận.

Điều 7. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

Đối hoạt động chuyển giao công nghệ đã kết thúc:

- Khi hoạt động chuyển giao công nghệ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A hoàn tất thanh toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành;

- Khi hoạt động chuyển giao công nghệ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

Đối với hoạt động chuyển giao công nghệ không hoàn thành:

- Trường hợp hoạt động chuyển giao công nghệ không hoàn thành do một trong diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng không sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán và quy định hiện hành về quản lý tài chính;

- Trường hợp hoạt động chuyển giao công nghệ không hoàn thành do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện dự án chuyển giao công nghệ;

- Trường hợp hoạt động chuyển giao công nghệ không hoàn thành không do lỗi của Bên B (do các điều kiện khách quan, thiên tai, dịch họa...) thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện dự án chuyển giao công nghệ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí đã được cấp theo quy định của pháp luật;

- Nếu hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã

cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

Điều 8. Rủi ro và trách nhiệm của các bên

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có rủi ro nào xảy ra thì hai bên phải có trách nhiệm cùng phối hợp xử lý.

Điều 9. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam... Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra;

Thông báo ngay cho bên kia bằng văn bản về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Toà án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 11. Thanh lý hợp đồng

Ngay sau khi bên chuyển giao công nghệ đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng, các bên tham gia tiến hành thanh lý và chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng cũng như mọi nghĩa vụ liên quan khác.

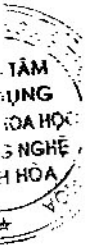
Việc thanh lý Hợp đồng phải thực hiện xong trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 12. Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên làm xong thủ tục quyết toán và nghiệm thu thanh lý Hợp đồng.

Điều 13. Điều khoản chung

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải



lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng.

Hợp đồng làm thành 8 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

BÊN A

(Chủ trì thực hiện Dự án)

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Bảo Quốc

BÊN B

(Chuyển giao công nghệ)

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**



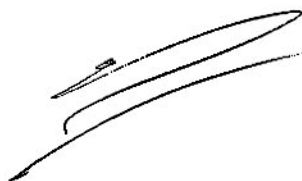
Vũ Văn Xứng

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN



Nguyễn Khánh Nam

NHÓM CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ



Lại Văn Hùng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số)

Bảng 1: Danh mục tài liệu

STT	Tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1	Hồ sơ báo cáo tổng kết Báo cáo quyết toán kinh phí đã sử dụng	15 bản	

Bảng 2: Danh mục sản phẩm khoa học và công nghệ sau khi chuyển giao

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và quy mô	Ghi chú
I Các quy trình công nghệ được chuyển giao				
1	Công nghệ ương cá bột lên cá hương	01 QT	Các quy trình công nghệ ngắn gọn, khoa học, áp dụng mang lại hiệu quả cao.	
2	Công nghệ ương cá hương lên cá giống	01 QT		
3	Công nghệ nuôi thức ăn sống phục vụ ương nuôi cá chim vây vàng	01 QT		
4	Công nghệ phòng và trị một số bệnh trên cá chim vây vàng giống	01 QT		
5	Công nghệ nuôi thương phẩm cá chim bằng lồng trên biển	01 QT		
6	Công nghệ nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong ao	01 QT		
7	Công nghệ quản lý môi trường ao nuôi thương phẩm cá chim	01 QT		
8	Công nghệ phòng và trị một số bệnh trên cá chim vây vàng nuôi thương phẩm	01 QT		
9	Công nghệ thu hoạch và vận chuyển cá sống	01 QT		
II Mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất				
1	Mô hình sản xuất giống cá chim vây vàng	04 mô hình	Quy mô: 250.000 con giống cỡ 4-5cm và 15.000 con giống cỡ 8-10cm/mô hình. Chỉ tiêu: Tỷ lệ nở của trứng 80%; tỷ lệ sống của cá hương: 10%; cá giống 4-5 cm 90%; cá giống lớn 8-10 cm: 80%.	
2	Mô hình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng bằng lồng bè	02 mô hình	Quy mô: sản lượng đạt 7,5 tấn/mô hình Chỉ tiêu: Năng suất 6 kg/m ³ ; chu kỳ	

			nuôi 10 tháng/vụ; tỷ lệ sống 70%; cỡ cá thu hoạch: 0,6 kg.	
3	Mô hình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong ao	02 mô hình	Quy mô: sản lượng đạt 2,5 tấn/mô hình. Chỉ tiêu: Năng suất 4 - 6 tấn/ha/vụ; chu kỳ nuôi 8 - 10 tháng/vụ; tỷ lệ sống 70%; cỡ cá thu hoạch: 0,5 kg.	

Bảng 3: Danh mục sản phẩm cụ thể

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu	Ghi chú
1	Cá chim vây vàng giống cỡ 4 - 5cm	1.000.000 con	Cá khỏe mạnh, không nhiễm bệnh	
2	Cá chim vây vàng giống cỡ 8 - 10 cm	60.000 con	Cá khỏe mạnh, không nhiễm bệnh	
3	Cá chim thương phẩm nuôi lồng	15.000 kg	Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	
4	Cá chim thương phẩm nuôi ao	5.000 kg	Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	
5	Kỹ thuật viên được đào tạo	06 người	Hiệu và làm chủ được quy trình	
6	Tập huấn cho nông dân	50 người	Hiệu biết được quy trình và có khả năng vận dụng vào thực tế sản xuất	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Về việc thiết kế kỹ thuật mẫu và định mức kỹ thuật ngư lưới cụ

Số: 34. /HDKT-2015

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;

- Căn cứ Luật Thương mại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;

- Căn cứ yêu cầu, khả năng và điều kiện mỗi bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 7 năm 2015, tại Trường Đại học Nha Trang. Chúng tôi gồm:

Bên A: CHI CỤC KHAI THÁC VÀ BVNL THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH

- Ông: **TRẦN KIM DƯƠNG** Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Phụ trách
- Địa chỉ: 110 Trần Hưng Đạo – TP. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định
- Điện thoại: 056.3892038 Fax: 056.3892812
- Số tài khoản: 9527.2.1072756 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định
- Mã số thuế: 4100299616

Bên B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

- Ông: **TRANG SĨ TRUNG** Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Điện thoại: 0583.833969 Fax: 0583.831147
- Số tài khoản: 0011100000925008 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Khánh Hòa

Người thực hiện: **NGUYỄN TRỌNG THẢO** - Trưởng Bộ môn Công nghệ khai thác thủy sản, Viện Khoa học và Công nghệ khai thác thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.

- Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên thống nhất các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện công việc xây dựng hồ sơ thiết kế kỹ thuật 04 mẫu ngư lưới cụ, gồm: 01 mẫu lưới vây ngày cá ngừ, 01 mẫu lưới vây kết hợp ánh sáng, 01 mẫu lưới rê hỗn hợp, 01 mẫu lưới mảnh chụp đáp ứng được yêu cầu của ngư dân tỉnh Bình Định, với các yêu cầu kỹ thuật chính như sau:

STT	MẪU LƯỚI		THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Lưới vây ngày cá ngư		L=1.245m; Lo = 1.524m H = 135m; Ho = 250m Ht =91m Hc= 82m
2	Lưới vây kết hợp ánh sáng		L= 821m; Lo = 1054m H = 120m; Ho = 200m Ht =73m Hc= 76m
3	Lưới mảnh chụp		C=157m, Ho = 62,2m
4	Lưới rê hỗn hợp	Mẫu 1	Lgp = 48,8m; Ugp = 0,61 Lgc = 54,8m; Ugc = 0,68 Ho = 45m
		Mẫu 2	Lgp = 48m; Ugp = 0,60 Lgc = 54,8m; Ugc = 0,68 Ho = 44m
		Mẫu 3	Lgp = 48m; Ugp = 0,60 Lgc = 54m; Ugc = 0,68 Ho = 46.5m
		Mẫu 4	Lgp = 48m; Ugp = 0,60 Lgc = 54m; Ugc = 0,68 Ho = 43m

Điều 2. Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật

- Tuân theo quy trình thiết kế lưới.
- Kết cấu hợp lý, phù hợp với đối tượng và ngư trường khai thác, có hiệu quả kinh tế, mang tính chọn lọc cao.
- Tiết kiệm nguyên vật liệu làm mới, giảm chi phí giá thành vàng lưới.
- Dễ dàng thao tác trong quá trình cơ giới hóa, phù hợp với điều kiện tàu thuyền và trình độ của ngư dân địa phương.
- Lựa chọn vật liệu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật
- Các công đoạn trong quy trình được hướng dẫn đơn giản chính xác và dễ thao tác
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật mẫu lưới được Hội đồng thẩm định của Bên A thông qua.

Điều 3. Phạm vi cung cấp:

Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ sau đây:

- 02 bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật cho mỗi mẫu lưới đã được thẩm định (*Số lượng bản vẽ và tài liệu thuyết minh, tính toán theo phụ lục đính kèm*)
- 02 bản khái toán giá thành cho mỗi mẫu lưới.

Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng

Bên B phải hoàn thành việc xây dựng hồ sơ thiết kế kỹ thuật 04 mẫu lưới cho Bên A chậm nhất là 30 ngày làm việc tính từ ngày hợp đồng được ký kết.

Điều 5. Giá trị và hình thức hợp đồng

- Giá xây dựng hồ sơ thiết kế kỹ thuật 4 mẫu lưới tạm tính theo dự toán: **160.000.000đ** (bình quân 40.000.000đ/mẫu)

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)

- Giá trị thanh toán thực tế là giá đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt;

Trong đó:

+ Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định chịu trách nhiệm thanh toán phần Ngân sách tỉnh hỗ trợ là 70%.

+ Các cơ sở mua bán ngư lưới cụ chịu trách nhiệm phần đóng góp để thanh toán là 30%.

Các cơ sở mua bán ngư lưới cụ ủy quyền cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản ký hợp đồng với đơn vị thiết kế và thanh toán phần đóng góp của các cơ sở mua bán ngư lưới cụ cho đơn vị thiết kế.

- Hình thức Hợp đồng: Trọn gói

Điều 6. Phương thức thanh toán

Bên A thanh toán cho Bên B như sau:

- Bên A chuyển cho Bên B số tiền tạm ứng là 20% giá trị tạm tính của hợp đồng tương đương số tiền 32.000.000đ *(Ba mươi hai triệu đồng chẵn)* ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

- Bên A thanh quyết toán giá trị hợp đồng sau khi Bên B bàn giao sản phẩm cho Bên A: có biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính và đã được ngân sách cấp kinh phí.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ (Việt Nam đồng)

Điều 7. Bản quyền thiết kế:

Bản quyền thiết kế mẫu lưới thuộc về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định.

Bên B phải cam kết rằng các tài liệu thiết kế và các tài liệu khác do Bên B lập và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc Bên thứ ba nào.

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả từ việc khiếu nại rằng bất cứ tài liệu báo cáo hoặc các tài liệu khác theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay Bên thứ ba nào khác.

Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng và địa chỉ liên lạc

- Ngôn ngữ sử dụng trong các hồ sơ bản vẽ thiết kế là tiếng Việt. Ngôn ngữ sử dụng trong trao đổi thông tin giữa các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng là tiếng Việt.

- Toàn bộ các thông tin trao đổi giữa hai bên liên quan đến hợp đồng này được gửi đến địa chỉ trụ sở của hai bên như ghi ở phần đầu bản hợp đồng này. Trong trường hợp một bên muốn thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải có thông báo bằng văn bản tới bên kia.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- Trường hợp xảy ra tranh chấp trong khi thực hiện hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết;

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa hai bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải hoặc Tòa án kinh tế giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 10 bộ, Bên A giữ 06 bộ, Bên B giữ 04 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ CHỦ TỊCH TRƯỞNG
Trần Kim Dương

ĐẠI DIỆN BÊN B

Người thực hiện **TRƯỞNG**



ĐẠI HỌC NHA TRANG

Nguyễn Trọng Châu *Trang Sĩ Trung*

PHỤ LỤC HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
(Đính kèm theo Hợp đồng số: /HĐKT- 2015 ngày tháng năm 2015)

TT	Mẫu lưới thiết kế	Các bản vẽ	Số lượng	Tài liệu bằng chữ	Số lượng
I		LƯỚI VÂY CÁ NGỪ	04		05
1		Bảng vẽ tổng thể vàng lưới vây cá ngừ	01	Thuyết minh chung	01
2		Bảng vẽ triển khai vàng lưới vây cá ngừ	01	Cơ sở chọn công thức tính chiều dài vàng lưới vây cá ngừ.	01
3		Bảng vẽ lắp ráp vàng lưới vây cá ngừ	01	Tính chọn kết cấu vàng lưới.	01
4		Bảng vẽ kỹ thuật: phao, chì, vòng khuyên	01	Tính chọn hệ thống dây giềng.	01
				Tính toán trang bị phao chì.	01
II		LƯỚI VÂY KẾT HỢP ÁNH SÁNG	04		05
1		Bảng vẽ tổng thể vàng lưới vây cá ngừ	01	Thuyết minh chung	01
2		Bảng vẽ triển khai vàng lưới vây cá ngừ	01	Cơ sở chọn công thức tính chiều dài vàng lưới vây kết hợp ánh sáng	01
3		Bảng vẽ lắp ráp vàng lưới vây cá ngừ	01	Chọn hệ số rút gọn các phần lưới.	01
4		Bảng vẽ kỹ thuật: phao, chì, vòng khuyên	01	Tính chọn hệ thống dây giềng.	01
				Tính toán trang bị phao chì	01
III		LƯỚI CHỤP	03		04
1		Bảng vẽ tổng thể lưới chụp	01	Thuyết minh chung	01
2		Bảng vẽ triển khai lưới chụp mực	01	Tính chọn chu vi miệng lưới chụp.	01

3		Bảng vẽ lắp ráp	01	Tính chọn vật liệu qui cách chỉ lưới	01
4				Tính toán trang bị vòng khuyên	01
IV	LƯỚI RÊ HỖN HỢP		03		05
1		Bảng vẽ tổng thể lưới rê hỗn hợp	01	Thuyết minh chung	01
2		Bảng vẽ triển khai lưới rê hỗn hợp	01	Lựa chọn kích thước cơ bản của tấm lưới	01
3		Bảng vẽ lắp ráp	01	Tính toán lựa chọn dây giềng	01
4				Lựa chọn kích thước mắt lưới cho từng phần lưới	01
5				Tính toán trang bị phao chì	01

Số: 08 /HĐ-KT&BVNLTS

HỢP ĐỒNG
Thực hiện Chương trình khuyến nông khuyến ngư năm 2015

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-SNN ngày 09/3/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2015.

Căn cứ nhu cầu, khả năng của hai bên. Hôm nay, ngày 11/5/2015 tại Chi cục Khai thác và BVNLTS Cà Mau. Chúng tôi gồm có:

BÊN A - Đại diện Chi cục Khai thác và BVNLTS tỉnh Cà Mau

Ông: **Đỗ Chí Sĩ** Chức vụ: **Chi cục trưởng**

Địa chỉ: Số 20A - Nguyễn Tất Thành - Phường 8 - TP Cà Mau.

Điện thoại: 07803 836 638 Fax: 07803 582 707

Số tài khoản: 9527.2.1037195 Kho bạc tỉnh Cà Mau.

BÊN B - Đại diện Viện Khoa học và Công nghệ khai thác thủy sản

Ông: **Trần Đức phú** Chức vụ: **Viện trưởng**

Địa chỉ: Số 09 - Nguyễn Đình Chiểu - Vĩnh Phước - Nha Trang

Điện thoại: 0583 832 067; Fax: 0583 832 067

Số tài khoản: 120 639 629 - Ngân hàng Á Châu tỉnh Khánh Hòa

MST: 4200 433 424 007

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng triển khai thực hiện Chương trình khuyến nông khuyến ngư năm 2015 với những điều khoản sau:

Điều 1: Cam kết chung:

Hai bên tiến hành liên kết tổ chức mở các lớp tập huấn giới thiệu cho các chủ tàu, thuyền trưởng trực tiếp tham gia khai thác trên biển một số ứng dụng công nghệ và nghề khai thác hải sản như sau:

- Nghề chụp cá: 03 lớp.
- Công nghệ hầm bảo quản và đèn Led kết hợp Pin mặt trời dùng cho tàu cá: 02 lớp.
- Xử lý bảo quản sản phẩm trên tàu cá và vệ sinh an toàn thực phẩm: 02 lớp

Điều 2: Trách nhiệm của mỗi bên:

BÊN A: Chi cục Khai thác và BVNLTS Cà Mau chịu trách nhiệm:

1. Tổ chức chiêu sinh, mở lớp tập huấn. Khi đủ số lượng là 40 học viên/lớp thì báo trước cho bên B ít nhất là 03 ngày để bên B cử giảng viên đi tập huấn.

2. Chuẩn bị hội trường, các điều kiện tập huấn; giúp Bên B tổ chức quản lý lớp tập huấn trong suốt quá trình tập huấn.

3. Thanh toán và chuyển cho bên B theo đúng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng.

Bên B: Viện Khoa học và CNKTTS chịu trách nhiệm:

1. Cử giảng viên tập huấn theo đúng chuyên môn. Cung cấp đầy đủ tài liệu, giáo trình cho bà con ngư dân.

2. Chịu chi phí về ăn, ở và đi lại từ Viện Khoa học và CNKTTS đến địa điểm tập huấn cho các giảng viên của Viện đến tập huấn theo Hợp đồng.

Điều 3: Số lượng, thời gian và kinh phí tập huấn:

- Số lượng lớp tập huấn: 07 lớp.
- Thời gian tập huấn: 07 ngày (01 ngày/01lớp).
- Tổng kinh phí Hợp đồng tập huấn: 280.000.000 đồng.
(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Điều 4. Điều khoản thi hành:

1. Hợp đồng này có giá trị thực hiện kể từ ngày hai bên hoàn thành thủ tục ký kết.
2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần thiết điều chỉnh thì mỗi bên phải chủ động thông báo cho bên kia cùng phối hợp bàn bạc giải quyết.
3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Đỗ Chí Sĩ

ĐẠI DIỆN BÊN B
VIỆN TRƯỞNG



Trần Đức Phú